CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Nhựa Tân Đại Hưng

Ngày 31/03/2025	11,350 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	1.3%	**49.3%**	**83.1%**

DT thuần
Q1/25
110
tỷ VNĐ
QoQ: ▼9.00| -7.6%
YoY: ▲ 22.1| 25.1%

LN thuần
Q1/25
6.55
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 4.05| 162%
YoY: ▲ 5.01| 325%

LN sau thuế
Q1/25
4.01
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.10| -21.5%
YoY: ▲ 2.31| 136%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
4.9%
YoY: +/-▼ 0.6%

ROE (TTM)
Q1/25
4.8%
YoY: +/-▲ 0.8%

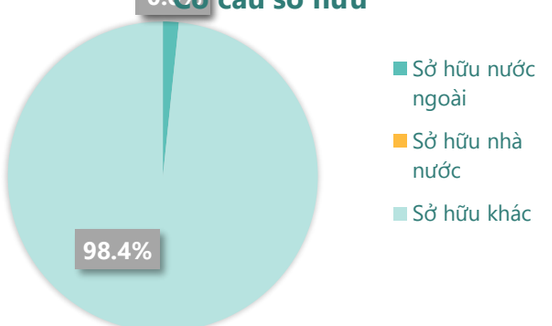
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	5,300 - 11,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	256
Số lượng CPLH (CP)	22,516,956
KLGD BQ 20 phiên (CP)	11,270
Sở hữu nước ngoài	1.7%
Beta	
EPS	631
P/E	18.0

DT thuần
2024
437
tỷ VNĐ
YoY: ▼130| -23.0%

LN thuần
2024
7.31
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 56.8| 115%

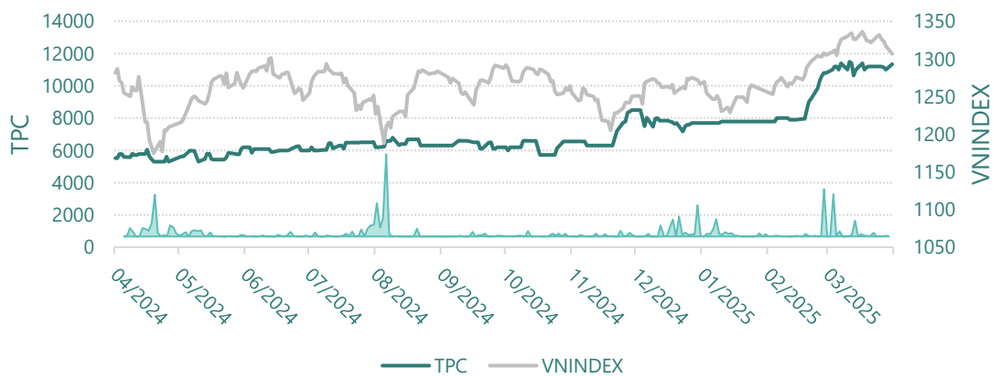
LN sau thuế
2024
11.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 60.7| 124%

Cơ cấu sở hữu

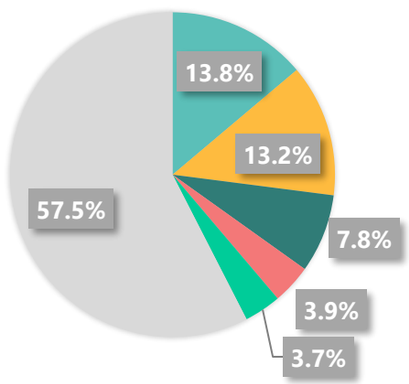


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

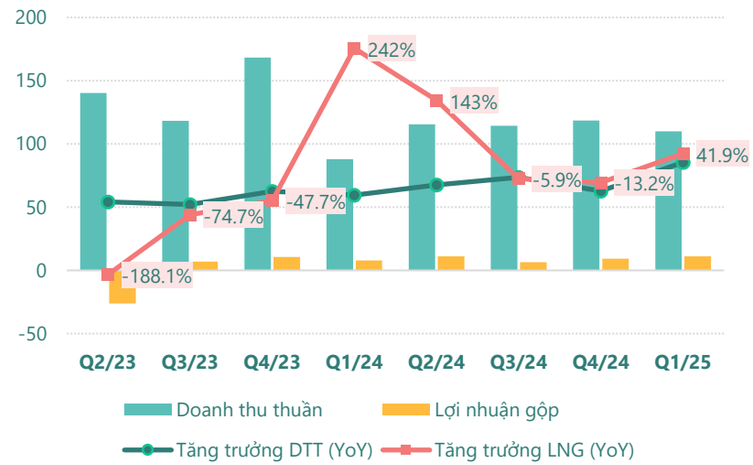


- Lê Thị Mỹ Hạnh
- Phạm Trung Cang (Chủ tịch HĐQT)
- CTCP Nhựa Tân Đại Hưng
- Đỗ Thị Quế Thanh
- Phạm Đỗ Diễm Hương
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

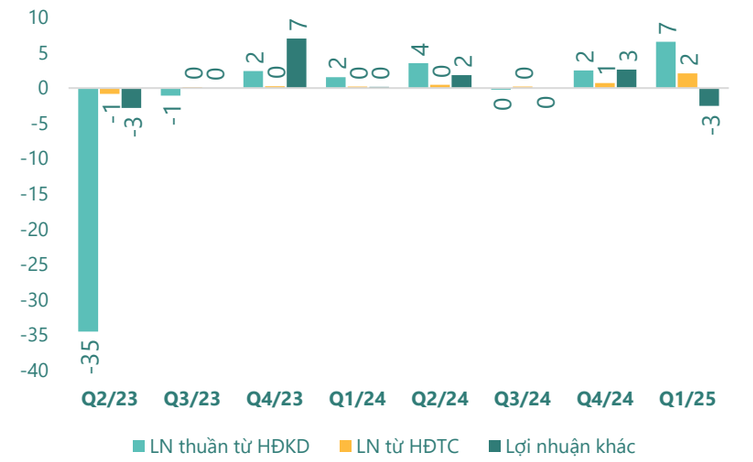
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



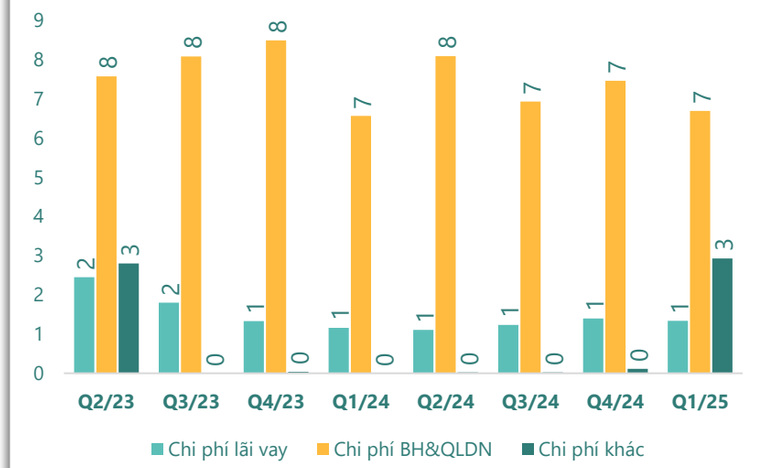
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



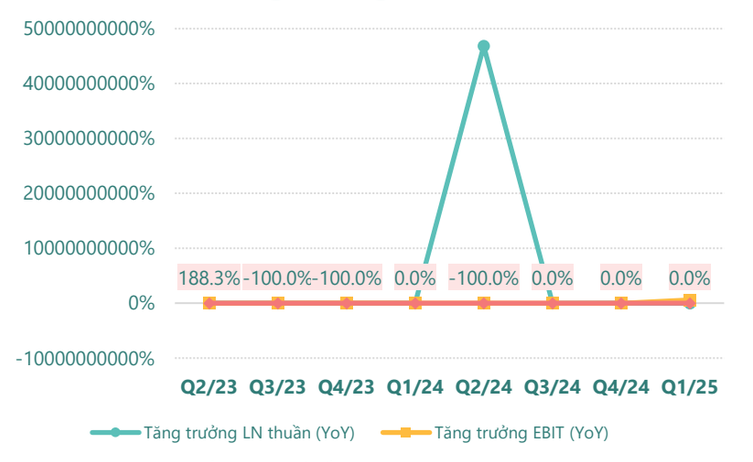
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



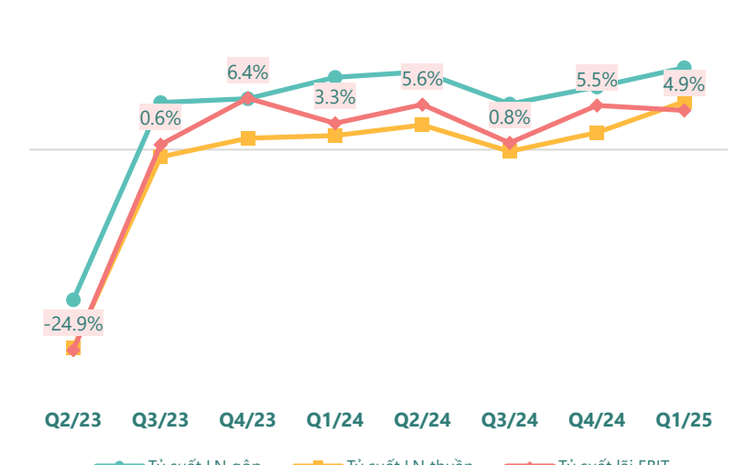
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



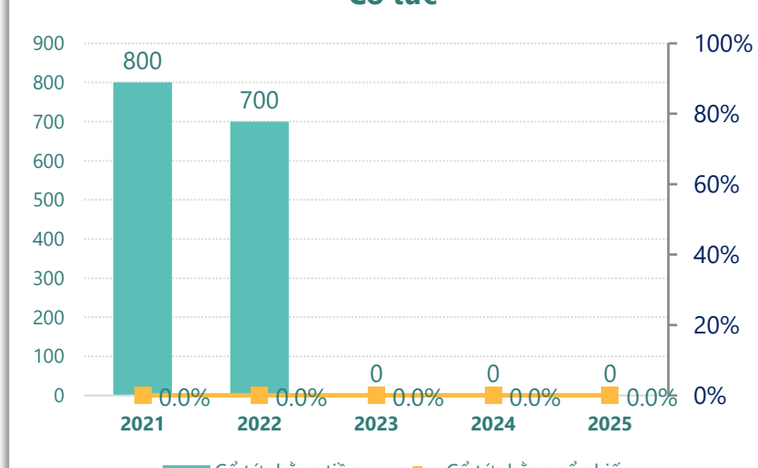
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

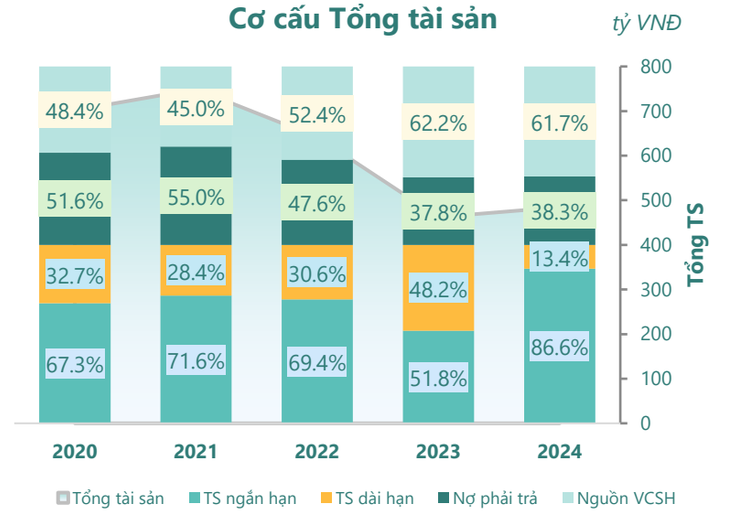
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

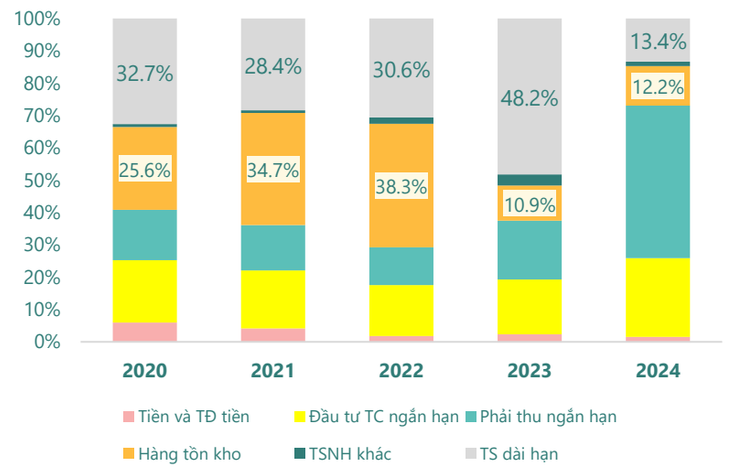
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



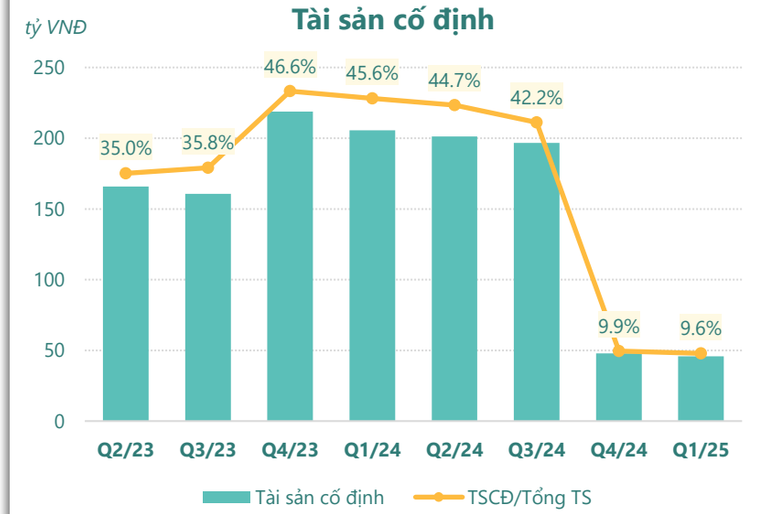
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



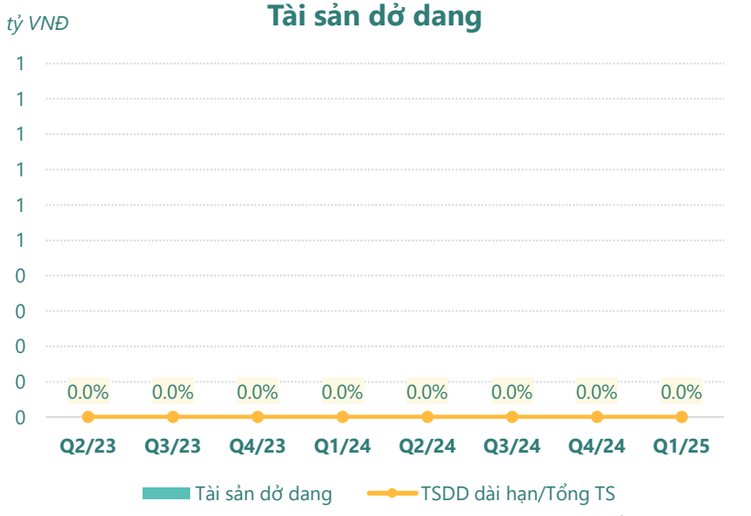
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



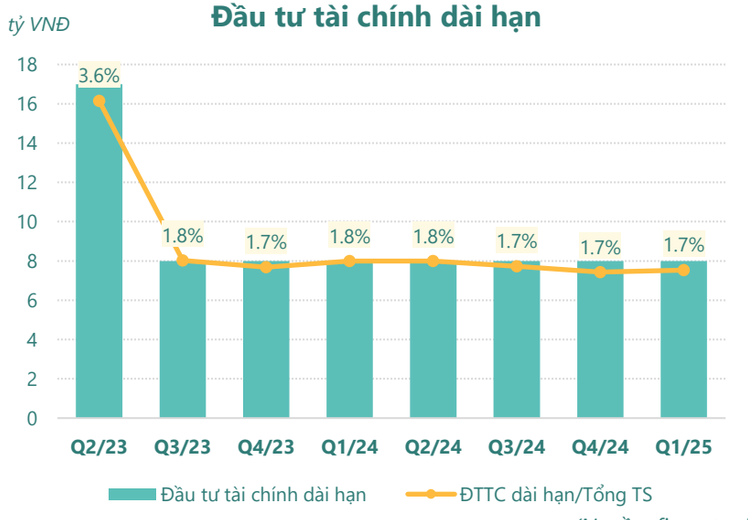
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



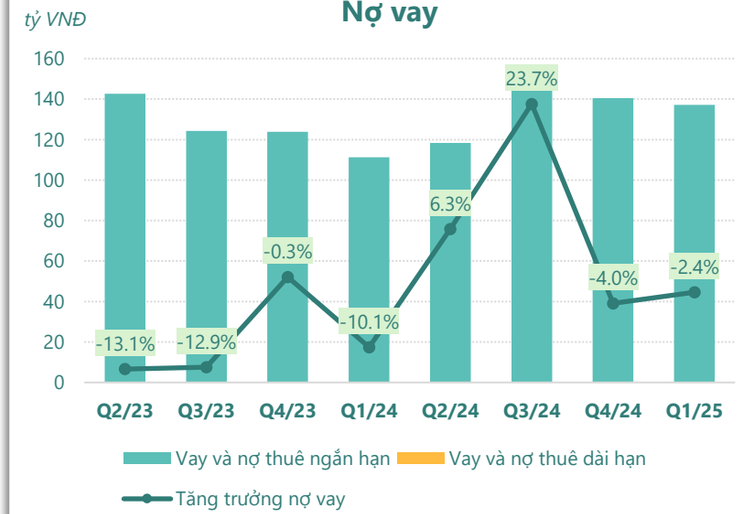
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

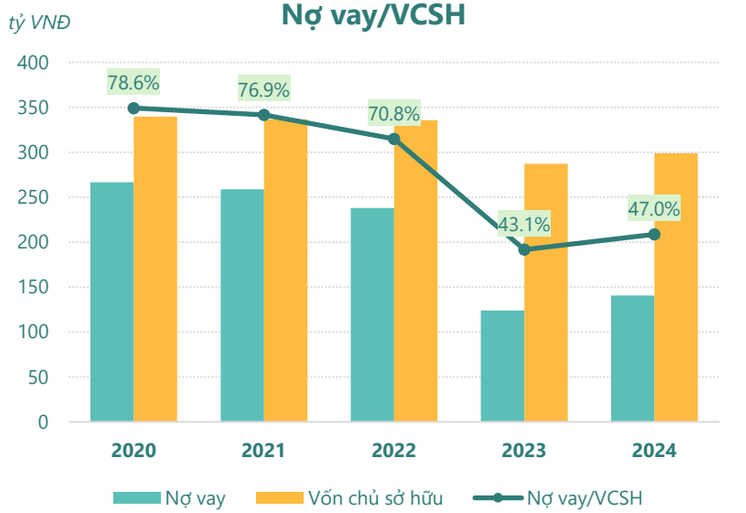
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



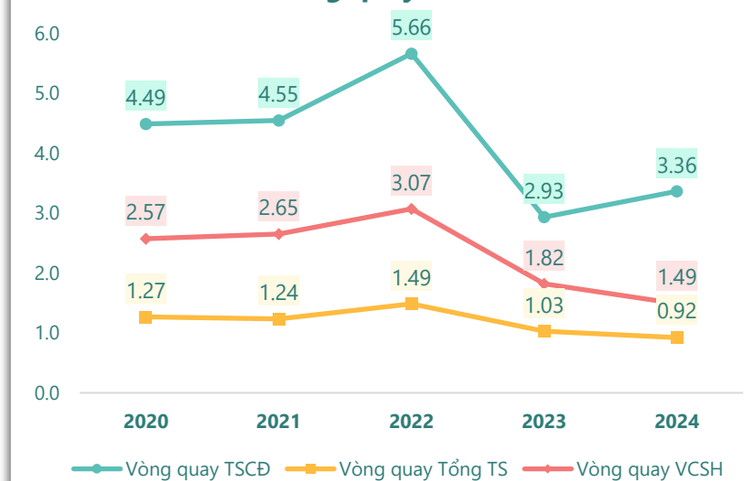
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



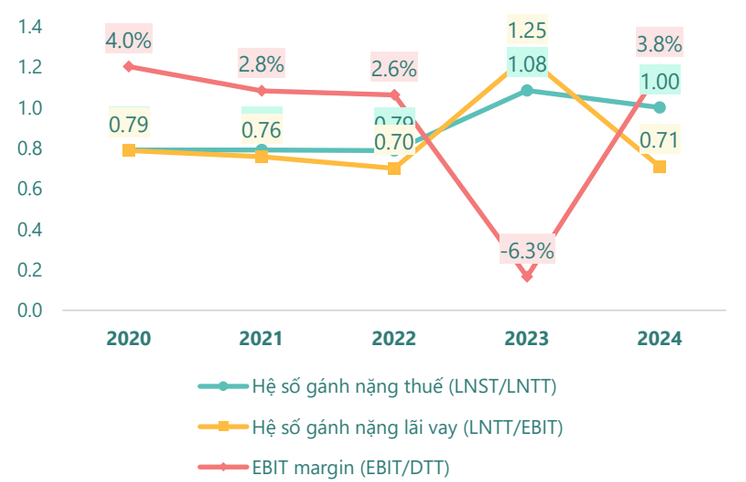
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



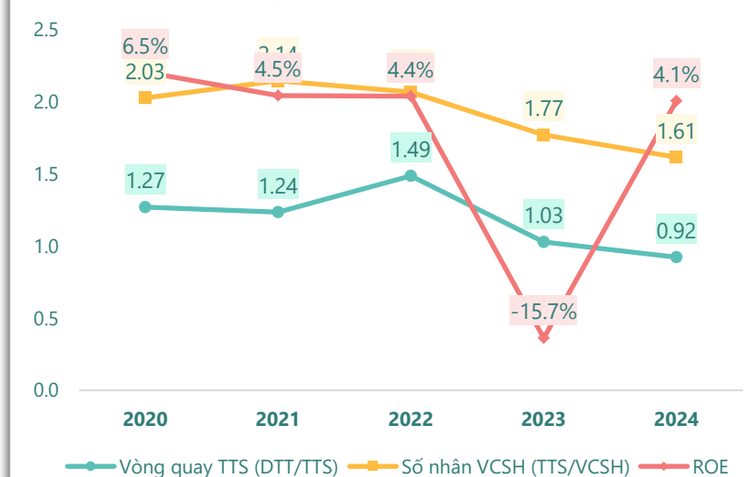
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



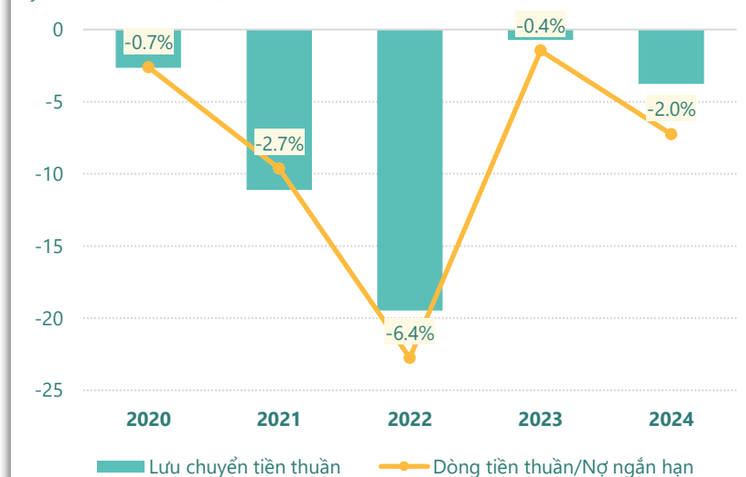
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**110**	**87.9**	**25.1%**	**437**	**567**	**-23.0%**
Giá vốn hàng bán	98.8	80.0	23.5%	402	581	-30.8%
Lợi nhuận gộp	11.2	7.88	41.8%	34.8	-13.5	357%
Doanh thu HĐTC	3.40	1.39	145%	6.68	7.85	-15.0%
Chi phí TC	1.34	1.16	15.2%	5.09	9.69	-47.5%
Chi phí lãi vay	1.34	1.16	15.2%	4.89	9.01	-45.7%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	3.44	2.45	40.4%	14.3	14.2	0.7%
Chi phí QLDN	**3.26**	**4.11**	**-20.8%**	**14.7**	**19.9**	**-26.1%**
LN thuần từ HĐKD	6.55	1.54	325%	7.31	-49.5	115%
Lợi nhuận khác	**-2.53**	**0.17**	**-1591%**	**4.60**	**4.52**	**1.8%**
LN trước thuế	4.01	1.70	136%	11.9	-45.0	126%
Lợi nhuận sau thuế	**4.01**	**1.70**	**136%**	**11.9**	**-48.8**	**124%**
LNST của CĐ cty mẹ	**4.01**	**1.70**	**136%**	**11.9**	**-48.8**	**124%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	23.4	7.71	10.3	6.51	-9.70	0.74
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-27.2	0.66	-7.44	-45.1	16.7	0.78
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.00	-12.8	7.06	28.3	-6.05	-3.15
Tiền đầu kỳ	10.8	11.0	6.51	16.5	6.17	7.35
Lưu chuyển tiền thuần	**-3.78**	**-4.46**	**9.88**	**-10.3**	**0.91**	**-1.62**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.04	-0.01	0.08	0	0.06	0.00
Tiền cuối kỳ	6.98	6.51	16.5	6.17	7.14	5.73

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**478**	**485**	**-1.4%**
Tài sản ngắn hạn	416	420	-0.9%
Tiền và tương đương tiền	5.73	7.35	-22.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	238	118	101%
Phải thu ngắn hạn	93.7	229	-59.0%
Hàng tồn kho	66.4	59.2	12.1%
Tài sản ngắn hạn khác	12.6	6.72	87.0%
Tài sản dài hạn	**61.6**	**64.7**	**-4.8%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	45.7	47.9	-4.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	8.00	8.00	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**7.88**	**8.78**	**-10.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	175	186	-5.9%
Nợ ngắn hạn	**175**	**186**	**-5.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	137	141	-2.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	26.7	27.9	-4.5%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**303**	**299**	**1.3%**
Vốn chủ sở hữu	**303**	**299**	**1.3%**
Vốn điều lệ	244	244	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)